

Bản án số: 45/2019/DS-PT

Ngày: 07 - 3 - 2019

Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhớ, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 và ngày 07 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2018/ DS-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 349/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Hoa Đ, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Số 24, đường L, khóm 5, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lý Hoàng T, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 341C, đường L, khóm 9, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, đường Lý Thường Kiệt, khóm 5, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Võ Quang T, sinh năm 1979 (không T tập)

Địa chỉ: Số 34, ấp 1, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Ông Lý Hoàng T – Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hoa Đ trình bày:

Vào ngày 15/6/2017 (âm lịch) bà mở 01 dây hụi 5.000.000 đồng, có 38 chung. Mỗi tháng khai 02 kỳ, đến ngày 30/11/2018 (âm lịch), thì mãn hụi (do tháng 6/2017 nhuận). Ông Lý Hoàng T tham gia 02 chung. Đóng hụi được 06 kỳ đến kỳ thứ 7 (ngày 15/8/2017 âm lịch) thì hốt 01 chung hụi với số tiền là 143.000.000 đồng, bà đã chung đủ số tiền trên cho ông T. Đối với chung hụi sống của ông T đã đóng được 13 kỳ với số tiền 48.000.000 đồng, số tiền này bà và ông T thỏa thuận trừ dần vào chung hụi chết của ông T. Sau khi đối trừ 10 kỳ hụi chết tương ứng 50.000.000 đồng, ông T còn nợ lại 2.000.000 đồng, kể từ sau ngày 15/4/2018 (âm lịch) ông T không đóng hụi chết cho bà nữa. Số tiền ông T còn nợ tính đến ngày mãn hụi là 15 kỳ hụi tương ứng 75.000.000 đồng cộng với 2.000.000 đồng thì ông T nợ bà tổng cộng 77.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (02/11/2018 dương lịch – 25/9/2018 âm lịch) thì ông T còn nợ bà 10 kỳ hụi chưa đóng tương ứng số tiền 50.000.000 đồng cộng với số tiền trừ cần hụi ông T còn nợ lại bà 2.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Lý Hoàng T có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là 52.000.000 đồng.

Đối với số tiền hụi tính đến ngày mãn hụi, còn lại là 05 kỳ tương ứng 25.000.000 đồng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vì tại thời điểm khởi kiện hụi chưa mãn, nếu sau này có tranh chấp bà yêu cầu khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Bị đơn ông Lý Hoàng T trình bày:

Quá trình giao dịch hụi như bà Đ khai ở trên là đúng. Ông tham gia hai chung, đến kỳ thứ 7 thì ông hốt 01 chung với số tiền là 143.000.000 đồng. Cả hai chung hụi chết và hụi sống đều đóng đến kỳ thứ 13 là ngày 15/11/2017 (âm lịch). Ông hốt chung hụi sống nhưng bà Đ không cho. Nên khoảng cuối tháng 11/2017 (âm lịch) hai bên tính toán về việc đối chiếu tiền hụi chết, hụi sống và tiền vay. Nội dung thỏa thuận: Đối với 13 kỳ của chung hụi sống quy ra số tiền là 48.000.000 đồng. Lấy 48.000.000 đồng tiền hụi của chung hụi sống trừ dần vào tiền hụi chết tương ứng 10 kỳ hụi (tức là đóng hụi chết cho khoảng thời gian từ ngày 30/11/2017 – 15/4/2018 âm lịch), thì ông còn nợ lại bà Đ 2.000.000 đồng (vì 10

chứng hui chết 50.000.000 đồng, còn hui sống có 48.000.000 đồng). Nếu tính đến ngày mãn hui ông còn nợ bà Đ là 15 kỳ hui với số tiền là 75.000.000 đồng, cộng với số tiền trừ cần hui ông còn nợ lại bà Đ 2.000.000 đồng, tổng cộng là 77.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 02/11/2018 (dương lịch) ông còn nợ bà Đ là 10 kỳ hui chết tương ứng với số tiền là 50.000.000 đồng, cộng với số tiền trừ cần hui ông còn nợ lại bà Đ 2.000.000 đồng. Tổng số tiền ông còn nợ bà Đ là 52.000.000 đồng. Nhưng vào ngày 13/6/2017 (âm lịch) bà Đ có vay của ông số tiền là 50.000.000 đồng, khi vay chỉ thỏa thuận miệng không biên nhận, do bà Đ trực tiếp điện thoại hỏi vay tiền, bà Đ nhờ ông T đến nhà ông nhận 50.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/tháng. Tại thời điểm đối chiếu thì thống nhất đối trừ 50.000.000 đồng mà bà Đ vay tính qua phần đóng hui chết. Nhưng bà Đ lại khởi kiện đòi tiền hui, ông đồng ý trả, nhưng bà Đ phải thanh toán tiền vay cho ông vốn 50.000.000 đồng để đối trừ qua tiền hui như thỏa thuận giữa hai bên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N trình bày:

Bà thừa nhận có vay của ông Lý Hoàng T số tiền là 50.000.000 đồng vào ngày 13/6/2017 (âm lịch). Số tiền này do bà Đ hỏi vay của ông T dùm bà, tiền là do ông Võ Quang T là chồng của bà nhận từ ông T và giao cho bà. Khi vay không viết biên nhận, chỉ thỏa thuận miệng mỗi tháng lãi suất 7,5%/tháng, mỗi tháng bà đóng 3.750.000 đồng tiền lãi cho ông T. Bà là người vay tiền của ông T và là người trực tiếp đóng lãi, nhưng do điều kiện làm ăn thất bại nên 06 tháng nay bà không đóng tiền lãi cho ông T. Bà thừa nhận còn nợ ông T số tiền là 50.000.000 đồng, số tiền nợ này không liên quan gì đến bà Đ. Nay ông T yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền vay là 50.000.000 đồng và yêu cầu đối trừ số tiền nợ hui mà ông T nợ bà Đ bà xác định là ông T trình bày không đúng sự thật, vì đây là số tiền bà vay và bà đồng ý thanh toán cho ông T số tiền nợ vốn là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng. Đây là nợ riêng của bà, không có liên quan đến trách nhiệm trả nợ của chồng bà là ông Võ Quang T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Quang T trình bày:

Ông thừa nhận vào ngày 13/6/2017 (âm lịch) bà Đ điện thoại nhờ ông đến nhà ông T nhận số tiền 50.000.000 đồng dùm cho bà Đ. Ông có đến nhà nhận của ông T số tiền là 50.000.000 đồng, sau khi nhận tiền ông đem tiền về đưa cho vợ của ông là bà Huỳnh Thị N. Ông chỉ là người đi nhận tiền dùm chứ không biết tiền đó là ai vay của ông T. Đồng thời ông xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2018/ DS-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

Áp dụng vào các Điều 471, 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 144, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lý Hoàng T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Hoa Đ số tiền hụi là 52.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lý Hoàng T về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Hoa Đ thanh toán số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/11/2018 ông Lý Hoàng T có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông về việc buộc bà Đ thanh toán tiền vay vốn 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa bảo lưu ý kiến như trình như trên, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2018/ DS-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông T: Ông T kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông về việc bà Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho ông tiền vay vốn 50.000.000 đồng. Bà Đ không đồng ý vì bà không vay tiền từ ông T, mà người vay là bà Huỳnh Thị N, bà N thừa nhận có vay của ông T số tiền vốn 50.000.000 đồng và đồng ý thanh toán. Qua xem xét toàn bộ những chứng cứ nhận thấy: Sự việc ông T có cho vay 50.000.000 đồng vốn là thực tế có xảy ra, khi giao dịch vay không thể hiện bằng văn bản. Phía bà N xác nhận bà vay chứ không phải bà Đ, lời thừa nhận của bà N không được ông T chấp nhận, không có căn cứ pháp lý nào để xác định bà N vay tiền.

Đối với bà Đ không thừa nhận việc vay tiền từ ông T nhưng qua các giao dịch giữa các bên đương sự thể hiện:

Thứ nhất: Ông T (chồng bà N cũng là anh rể của bà Đ) trình bày: Tại Tờ tường thuật đề ngày 06/9/2018 (bút lục 26) và tại bản tự khai ngày 09/10/2018 (bút lục 45) thể hiện nội dung: “Vào khoảng 16 giờ ngày 13/6/2017 tôi đang làm ở Công ty A thì chị Đ điện thoại kêu tôi đến nhà anh T lấy tiền dùm cho chị Đ, khi tôi đến nhà anh T thì vợ anh T tên P có đưa số tiền 50.000.000 đồng, sau đó tôi về nhà đưa cho vợ tên N số tiền 50.000.000 đồng và nói rằng số tiền này chị P gửi cho chị Đ, ông T lấy dùm cho bà Đ”. Tờ tường thuật ông T viết trước khi ông T có đơn phản tố khởi kiện bà Đ 06 ngày, qua đó cho thấy lời khai của ông T là khách quan; như vậy ông T khai rất cụ thể là bà Đ nhờ đi gặp ông T để nhận 50.000.000 đồng dùm cho bà Đ.

Thứ hai: Tại biên bản hòa giải ngày 09/10/2018, bà N xác nhận “số tiền do bà Đ hỏi vay của ông T dùm bà, tiền do ông T nhận”. Qua lời khai của bà N đó cho thấy ban đầu hỏi vay tiền là do bà Đ giao dịch với vợ chồng ông T nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ngày 18/02/2019 bà Đ phủ nhận toàn bộ, cho rằng bà không liên quan gì đến hỏi vay tiền.

Thứ ba: Về thời điểm giao nhận tiền, cả hai văn bản (tờ tường thuật và bản tự khai) ông T đều xác định thời gian nhận 50.000.000 đồng là ngày 13/6/2017 đúng với thời gian mà ông T đã khai trong hồ sơ. Trong khi đó tại bản tự khai (bút lục số 44) cùng ngày với ông T ngày 09/10/2018 thì bà N khai bà vay tiền từ ông T ngày 12/6/2016, với ngày này thì ông T chưa nhận 50.000.000 đồng từ ông T (tức là bà N khai vay tiền trước hơn 01 năm).

Thứ tư: Sự việc đối chiếu tiền hụi giữa bà Đ với ông T là có xảy ra, được hai đương sự thừa nhận, nội dung đối chiếu thể hiện: Ông T tham gia hai chung hụi, loại 5.000.000 đồng, một tháng khai hai lần. Ông T hót một chung hụi, còn một chung sống, sau khi hót hụi ông T đóng hụi chết và hụi sống đều được 13 kỳ. Đối với chung hụi sống 13 kỳ thì hụi viên (ông T) phải được tính số tiền hụi sống là 65.000.000 đồng (13 kỳ x 5.000.000 đồng/kỳ), nhưng ở đây ông T chấp nhận chịu thua lỗ 17.000.000 đồng, chỉ nhận số tiền 48.000.000 đồng và đồng ý để bà Đ giữ lại đối trừ dần vào chung hụi chết. Như vậy, nếu không có việc đối chiếu, tất toán hụi thì không có lý do gì mà ông T phải bị thiệt hại 17.000.000 đồng và đồng thời còn để lại số tiền 48.000.000 đồng trừ dần vào hụi chết hàng tháng tức là ông T đóng hụi chết trước 05 tháng (mỗi tháng ông T đóng hụi chết 10.000.000 đồng). Mục đích của hụi viên tham gia hụi để tích lũy, để thu lợi nhuận, đóng hụi sống để lấy lãi qua từng kỳ hụi và đối với hụi chết thì đóng dần theo mỗi kỳ khai hụi. Ở đây ông T bị mất tiền lãi của chung hụi sống mà còn phải để lại tiền hụi sống đóng

hụi chết trước 05 tháng là không phù hợp với thực tế nếu như không có sự đối chiếu và đối trừ tiền hụi, tiền vay.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định bà Đ là người vay tiền từ ông T chứ không phải bà N. Vì vậy, bà Đ có nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông T vốn vay 50.000.000 đồng. Ông T không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét.

[2]. Từ những nhận định trên, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lý Hoàng T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số:156/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

[3]. Tại phiên tòa bà Đ yêu cầu ông T thanh toán tiền hụi chết 05 kỳ bằng 25.000.000 đồng. Đối với yêu cầu này tại cấp sơ thẩm bà không đặt ra vì hụi chưa mãn. Tại phiên tòa phúc thẩm bà yêu cầu là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Bà có quyền khởi kiện tại Tòa án sơ cấp sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Ngày 18/02/2019, bà N có mặt tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập chứng cứ. Tòa án ra quyết định tạm ngừng phiên tòa, ấn định thời gian mở phiên tòa lúc 7 giờ 30 phút ngày 07/3/2019 và tổng đạt hợp lệ cho bà Huỳnh Thị N, nhưng đến giờ mở phiên tòa bà N vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà N.

[5]. Đối với bà Huỳnh Thị Bích P (vợ ông T), cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bà P từ chối tham gia tố tụng trong vụ án vì mọi giao dịch ông T nắm rõ hơn nên bà đã đồng ý để ông T khởi kiện, giao cho ông T toàn quyền quyết định. Nhận thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không ảnh hưởng gì đến quyền lợi và nghĩa vụ của bà P.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm. Tuy nhiên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo nên sửa án sơ thẩm như những chứng cứ đã nhận định ở trên.

[7]. Về án phí

- Án phí dân sự phúc thẩm ông T không phải chịu, đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được nhận lại toàn bộ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Do sửa một phần bản án nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại.

Bà Đ phải chịu án phí 2.500.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 2.000.000 đồng được đối trừ, bà Đ phải nộp tiếp 500.000 đồng.

Ông T phải nộp 2.600.000 đồng (đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ được chấp nhận), đã nộp tạm ứng án phí 1.250.000 đồng được đối trừ, ông T phải nộp tiếp 1.350.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lý Hoàng T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hoa Đ. Buộc ông Lý Hoàng T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đ số tiền hui là 52.000.000 đồng (*Năm mươi hai triệu đồng*).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông T. Buộc bà Đ phải thanh toán cho ông T tiền vốn vay 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Trường hợp những người được thi hành án có đơn yêu cầu nếu những người có nghĩa vụ thi hành án mà chậm thanh toán các khoản tiền thuộc về trách nhiệm của mình thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm ông T không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001607 ngày 14/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, được nhận lại toàn bộ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%:

Bà Đ phải chịu án phí 2.500.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 2.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001191 ngày 15/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ, bà Đ phải nộp tiếp 500.000 đồng.

Ông T phải nộp 2.600.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 1.250.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001334 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ, ông T phải nộp tiếp 1.350.000 đồng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền

